

Số: 0323 /21/CV-VDN

Về việc: “Thông báo sử dụng nhãn sản phẩm Tương ớt Vedan 10 g”.

Đồng Nai, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Chi cục đã hỗ trợ, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty chúng tôi sản xuất và kinh doanh thực phẩm tại Đồng Nai trong suốt thời gian qua.

Sản phẩm “Tương ớt Vedan” của Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam đã thực hiện tự công bố (TCCS: 58/VDN/2020) và được Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Đồng Nai tiếp nhận, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Chi cục: dongnai.vfa.gov.vn ngày 26/11/2020. Hồ sơ tự công bố như file đính kèm.

Trong hồ sơ tự công bố nói trên, Công ty chúng tôi có kèm theo nhãn hàng hóa có khối lượng tịnh: 270 g, 500 g, 830 g, 2,1 kg.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm. Nay Công ty chúng tôi xin thông báo bổ sung thêm nhãn gói có khối lượng tịnh 10 g của sản phẩm nêu trên. Nhãn bổ sung như file đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết sẽ tuân thủ, thực hiện tốt việc quản lý sản phẩm, nhãn sản phẩm nêu trên khi lưu thông trên thị trường.

Cuối cùng, Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

Nơi nhận:


- Như trên;
- Lưu: Vp TGD
Vp Phòng ĐBCL

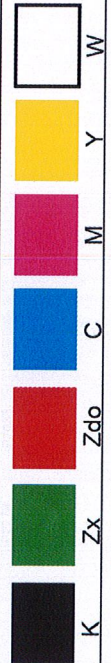
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI ĐBCL & NCPT



PHAN THỊ HUY HÀ



	Tên sản phẩm	QC (Ngang x Cao)	Phương thức in	CHỮ KÝ KHÁCH HÀNG
	TƯƠNG ỚT	80 x 80 (mm)	<input checked="" type="checkbox"/> Trong <input type="checkbox"/> Ngoài	
Số màu	Ngày thực hiện	Sữa theo mã trực	Ngày :	
07	17/03/2021 (Lần 13)	DYK102238		



ú ý : Trước khi ký xác nhận xin vui lòng kiểm tra cẩn thận tất cả các chi tiết (màu sắc, bố cục, nội dung, kích thước, mã vạch ...) vì bất kỳ lỗi, nội dung không chính xác sau khi sản xuất, công ty chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm.
 mark : Before signing for approval please check carefully all detail (color, size, contents, dimension, barcode...) because any error, inaccurate contents after production we will not be responsible.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Sửa đổi bản công bố TCCS 58/VDN/2020 ngày 17/11/2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

- Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Quốc Hội khóa XII.
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.
- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
- Căn cứ Thông tư 14/2022/TT-BYT ngày 06/12/2022 của Bộ Y tế Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bãi bỏ chỉ tiêu Melamine trong tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 58/VDN/2020 ngày 17/11/2020 – Tương ớt Vedan, để phù hợp với quy định của Thông tư 14/2022/TT-BYT, cụ thể như sau:

Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
Hàm lượng Melamine $\leq 2,5$ mg/kg	Bãi bỏ chỉ tiêu này theo quy định của Thông tư 14/2022/TT-BYT.

Điều 2: Các đơn vị liên quan của Công ty CPHH Vedan Việt Nam có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các đơn vị ghi ở Điều 2.
- Lưu: Văn phòng TGD, phòng ĐBCL.

TỔNG GIÁM ĐỐC



NI CHIH HAO

Số: 003 /24/QĐ-VDN

Đồng Nai, ngày 13 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Sửa đổi hồ sơ tự công bố sản phẩm số TCCS 58/VDN/2020 ngày 17/11/2020

TỔNG GIÁM ĐỐC**CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Quốc Hội khóa XII.
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.
- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Căn cứ Thông tư 14/2022/TT-BYT ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Bộ Y tế Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành.
- Căn cứ Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/09/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sửa đổi quy định về ATTP đối với chỉ tiêu vi sinh vật; quy định về nội dung ghi nhãn; bổ sung thêm quy định về quản lý và sử dụng chất phụ gia thực phẩm và bỏ quy định về kiểm soát melamine nhiễm chéo trong thực phẩm trong TCCS 58/VDN/2020 ngày 17/11/2020 “Tương ốt Vedan” để phù hợp với quy định của Nghị định 111/2021/NĐ-CP, Thông tư 14/2022/TT-BYT, Thông tư 17/2023/TT-BYT cụ thể như sau:

Stt	Hạng mục	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Bản tự công bố sản phẩm	IV- Yêu cầu về an toàn thực phẩm Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam kinh doanh sản phẩm “Tương ốt Vedan” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (mục 6.8.3). - QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.19, 2.31, 3.40, 4.16). - QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật	IV- Yêu cầu về an toàn thực phẩm Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam kinh doanh sản phẩm “Tương ốt Vedan” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.19, 2.31, 3.40, 4.16). - QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật

		quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.9, 2.11).	quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.9, 2.11).																																																														
		- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm. - Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.	- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.																																																														
2	Bản thông tin chi tiết về sản phẩm	1.3 - Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (mục 6.8.3).	1.3 - Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.																																																														
		<table border="1"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</td> <td>CFU/g</td> <td>10⁴</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td><i>Clostridium perfringens</i></td> <td>CFU/g</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td><i>Staphylococcus aureus</i></td> <td>MPN/g</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td><i>Coliforms</i></td> <td>CFU/g</td> <td>10²</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td><i>Escherichia coli</i></td> <td>MPN/g</td> <td>Không có</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td><i>Salmonella</i></td> <td>/25g</td> <td>Không có</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc</td> <td>CFU/g</td> <td>10</td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴	2	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10	3	<i>Staphylococcus aureus</i>	MPN/g	3	4	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10 ²	5	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	Không có	6	<i>Salmonella</i>	/25g	Không có	7	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	10	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</td> <td>CFU/g</td> <td>10⁴</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td><i>Clostridium perfringens</i></td> <td>CFU/g</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td><i>Staphylococcus aureus</i></td> <td>MPN/g</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td><i>Coliforms</i></td> <td>CFU/g</td> <td>10²</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td><i>Escherichia coli</i></td> <td>MPN/g</td> <td>Không có</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td><i>Salmonella</i></td> <td>/25g</td> <td>Không có</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc</td> <td>CFU/g</td> <td>10</td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴	2	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10	3	<i>Staphylococcus aureus</i>	MPN/g	3	4	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10 ²	5	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	Không có	6	<i>Salmonella</i>	/25g	Không có	7	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa																																																														
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴																																																														
2	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10																																																														
3	<i>Staphylococcus aureus</i>	MPN/g	3																																																														
4	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10 ²																																																														
5	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	Không có																																																														
6	<i>Salmonella</i>	/25g	Không có																																																														
7	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	10																																																														
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa																																																														
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴																																																														
2	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10																																																														
3	<i>Staphylococcus aureus</i>	MPN/g	3																																																														
4	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10 ²																																																														
5	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	Không có																																																														
6	<i>Salmonella</i>	/25g	Không có																																																														
7	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	10																																																														
		5. Nội dung ghi nhãn: Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa.	5. Nội dung ghi nhãn: Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.																																																														

3600
 NG T
 PHA
 U HẠ
 VEDAN
 T NA
 ANH

Điều 2: Các đơn vị liên quan của Công ty CPHH Vedan Việt Nam có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các đơn vị ghi ở Điều 2.
- Lưu: VPTGD, phòng ĐBCL.



Số: 0039/24/CV-VDN

Đồng Nai, ngày 13 tháng 01 năm 2024

V/v: “Thông báo sửa đổi hồ sơ tự công bố sản phẩm số TCCS 58/VDN/2020”

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Chi cục đã hỗ trợ, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty chúng tôi kinh doanh thực phẩm tại Đồng Nai trong suốt thời gian qua.

Sản phẩm “Tương ớt Vedan” của Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam kinh doanh đã thực hiện tự công bố số TCCS 58/VDN/2020 và được Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm Đồng Nai tiếp nhận, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Chi cục: dongnai.vfa.gov.vn ngày 26/11/2020.

Trong hồ sơ công bố của sản phẩm này, chúng tôi đã công bố phù hợp theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (mục 6.8.3); Thông tư 24/2019/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm; Quyết định 38/2008/QĐ-BYT về việc ban hành “Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm” và nội dung ghi nhãn đang công bố phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa.

Tuy nhiên, các quy định pháp luật trên đã được sửa đổi hoặc hết hiệu lực, cụ thể như sau:

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ.

- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT đã bị bãi bỏ bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư 14/2022/TT-BYT ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Bộ Y tế Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành.

- Mục 6.8.3 ban hành kèm theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT đã bị bãi bỏ bởi khoản 2 Điều 7 Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Bộ Y Tế về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT đã được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Bộ Y Tế về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm. Nay công ty chúng tôi xin thông báo sửa đổi hồ sơ tự công bố của sản phẩm nói trên, nội dung sửa đổi như sau:

Stt	Hạng mục	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Bản tự công bố sản phẩm	IV- Yêu cầu về an toàn thực phẩm Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam kinh doanh sản phẩm “Tương ớt Vedan” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học	IV- Yêu cầu về an toàn thực phẩm Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam kinh doanh sản phẩm “Tương ớt Vedan” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

	<p>trong thực phẩm (mục 6.8.3).</p> <p>- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.19, 2.31, 3.40, 4.16).</p> <p>- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.9, 2.11).</p> <p>- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của Melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.</p> <p>- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.</p>	<p>- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.19, 2.31, 3.40, 4.16).</p> <p>- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.9, 2.11).</p> <p>- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.</p>																																																																
<p>2</p> <p>Bản thông tin chi tiết về sản phẩm</p>	<p>1.3 - Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (mục 6.8.3).</p> <table border="1" data-bbox="316 1019 898 1691"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</td> <td>CFU/g</td> <td>10⁴</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td><i>Clostridium perfringens</i></td> <td>CFU/g</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td><i>Staphylococcus aureus</i></td> <td>MPN/g</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td><i>Coliforms</i></td> <td>CFU/g</td> <td>10²</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td><i>Escherichia coli</i></td> <td>MPN/g</td> <td>Không có</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td><i>Salmonella</i></td> <td>/25g</td> <td>Không có</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc</td> <td>CFU/g</td> <td>10</td> </tr> </tbody> </table> <p>5. Nội dung ghi nhãn: Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa.</p>	Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴	2	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10	3	<i>Staphylococcus aureus</i>	MPN/g	3	4	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10 ²	5	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	Không có	6	<i>Salmonella</i>	/25g	Không có	7	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	10	<p>1.3 - Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</p> <table border="1" data-bbox="922 1019 1487 1691"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</td> <td>CFU/g</td> <td>10⁴</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td><i>Clostridium perfringens</i></td> <td>CFU/g</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td><i>Staphylococcus aureus</i></td> <td>MPN/g</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td><i>Coliforms</i></td> <td>CFU/g</td> <td>10²</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td><i>Escherichia coli</i></td> <td>MPN/g</td> <td>Không có</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td><i>Salmonella</i></td> <td>/25g</td> <td>Không có</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc</td> <td>CFU/g</td> <td>10</td> </tr> </tbody> </table> <p>5. Nội dung ghi nhãn: Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.</p>	Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴	2	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10	3	<i>Staphylococcus aureus</i>	MPN/g	3	4	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10 ²	5	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	Không có	6	<i>Salmonella</i>	/25g	Không có	7	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	10
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa																																																															
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴																																																															
2	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10																																																															
3	<i>Staphylococcus aureus</i>	MPN/g	3																																																															
4	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10 ²																																																															
5	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	Không có																																																															
6	<i>Salmonella</i>	/25g	Không có																																																															
7	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	10																																																															
Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa																																																															
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴																																																															
2	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10																																																															
3	<i>Staphylococcus aureus</i>	MPN/g	3																																																															
4	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10 ²																																																															
5	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	Không có																																																															
6	<i>Salmonella</i>	/25g	Không có																																																															
7	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	10																																																															



Đối với hồ sơ tự công bố của sản phẩm này, Chúng tôi chỉ thay các nội dung trên, các nội dung khác và chất lượng sản phẩm không thay đổi so với hồ sơ công bố đã được Quý Chi cục tiếp nhận trước đó.

Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ, thực hiện tốt việc quản lý sản phẩm, nhãn sản phẩm nêu trên khi lưu thông trên thị trường.

Cuối cùng, Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Các đơn vị ghi ở Điều 2.
- Lưu: VPTGD, phòng ĐBCL.

TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN CHÍH HẠO



Số: 146 /25/QĐ-VDN

Đồng Nai, ngày 20 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Về việc: Sửa đổi hồ sơ tự công bố sản phẩm số TCCS 58/VDN/2020 ngày 17/11/2020****TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025;
- Căn cứ thông báo số 0022/25/TB-VDN ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam về việc cập nhật tên và địa chỉ Tiếng Trung-Anh-Việt của Công ty và các Chi nhánh;
- Theo đề nghị của Khối quản lý kinh doanh acid amin.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sửa đổi hồ sơ tự công bố, nhãn của sản phẩm “Tương ớt Vedan” trong TCCS 58/VDN/2020 ngày 17/11/2020 để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, nội dung cụ thể như sau:

Stt	Hạng mục thay đổi	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Địa chỉ tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm	CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2	Địa chỉ nhà sản xuất	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YILIN VIỆT NAM Lô K4C, đường số 4, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YILIN VIỆT NAM Lô K4C, Đường số 4, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Xã Bình Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3	Thành phần (bổ sung thêm INS)	Nước, ốt (15%), đường, chất làm dày (1422, 415, 466), muối I-ốt, chất điều vị (621), chất ổn định (452(i)), chất bảo quản (202), chất điều chỉnh độ acid (260), chất tạo ngọt nhân tạo (951), phẩm màu tổng hợp (150c, 124, 110), hương tỏi tổng hợp.	Nước, ốt (15%), đường, chất làm dày (INS: 1422, 415, 466), muối I-ốt, chất điều vị (INS 621), chất ổn định (INS 452(i)), chất bảo quản (INS 202), chất điều chỉnh độ acid (INS 260), chất tạo ngọt nhân tạo (INS 951), phẩm màu tổng hợp (INS: 150c, 124, 110), hương liệu tỏi tổng hợp.																								
4	Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức công bố</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Hàm lượng Carbohydrates</td> <td>g/100g</td> <td>11,3 – 21,0</td> </tr> <tr> <td>Hàm lượng Protein</td> <td>g/100g</td> <td>0,6 – 1,12</td> </tr> </tbody> </table>	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố	Hàm lượng Carbohydrates	g/100g	11,3 – 21,0	Hàm lượng Protein	g/100g	0,6 – 1,12	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức công bố</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)</td> <td>g/100g</td> <td>11,3 - 21,0</td> </tr> <tr> <td>Hàm lượng Chất đạm</td> <td>g/100g</td> <td>0,5 – 1,1</td> </tr> <tr> <td>Hàm lượng Natri</td> <td>mg/100 g</td> <td>931-1729</td> </tr> <tr> <td>Đường tổng số</td> <td>g/100g</td> <td>7,6-14,0</td> </tr> </tbody> </table>	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	g/100g	11,3 - 21,0	Hàm lượng Chất đạm	g/100g	0,5 – 1,1	Hàm lượng Natri	mg/100 g	931-1729	Đường tổng số	g/100g	7,6-14,0
Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố																									
Hàm lượng Carbohydrates	g/100g	11,3 – 21,0																									
Hàm lượng Protein	g/100g	0,6 – 1,12																									
Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố																									
Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	g/100g	11,3 - 21,0																									
Hàm lượng Chất đạm	g/100g	0,5 – 1,1																									
Hàm lượng Natri	mg/100 g	931-1729																									
Đường tổng số	g/100g	7,6-14,0																									
5	Các chỉ tiêu giám sát định kỳ	Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng Protein Hàm lượng Carbohydrates	Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng Chất đạm Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm xơ) Hàm lượng Natri Hàm lượng Đường tổng số																								
6	Bảng thông tin dinh dưỡng	<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Thành phần dinh dưỡng (có trong 10 g tương ốt)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năng lượng (kcal)</td> <td>6,9</td> </tr> <tr> <td>Carbohydrate (g)</td> <td>1,61</td> </tr> <tr> <td>Protein (g)</td> <td>0,086</td> </tr> <tr> <td>Chất béo (g)</td> <td>0,007</td> </tr> </tbody> </table>	Thành phần dinh dưỡng (có trong 10 g tương ốt)		Năng lượng (kcal)	6,9	Carbohydrate (g)	1,61	Protein (g)	0,086	Chất béo (g)	0,007	<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Thông tin dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (Có trong 10 g tương ốt Vedan)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năng lượng</td> <td>4,8-9,0 kcal</td> </tr> <tr> <td>Carbohydrat</td> <td>1,13-2,10 g</td> </tr> <tr> <td>Natri</td> <td>93,1-172,9 mg</td> </tr> <tr> <td>Chất đạm</td> <td>0,05-0,11 g</td> </tr> <tr> <td>Đường tổng số</td> <td>0,76-1,40 g</td> </tr> </tbody> </table>	Thông tin dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (Có trong 10 g tương ốt Vedan)		Năng lượng	4,8-9,0 kcal	Carbohydrat	1,13-2,10 g	Natri	93,1-172,9 mg	Chất đạm	0,05-0,11 g	Đường tổng số	0,76-1,40 g		
Thành phần dinh dưỡng (có trong 10 g tương ốt)																											
Năng lượng (kcal)	6,9																										
Carbohydrate (g)	1,61																										
Protein (g)	0,086																										
Chất béo (g)	0,007																										
Thông tin dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (Có trong 10 g tương ốt Vedan)																											
Năng lượng	4,8-9,0 kcal																										
Carbohydrat	1,13-2,10 g																										
Natri	93,1-172,9 mg																										
Chất đạm	0,05-0,11 g																										
Đường tổng số	0,76-1,40 g																										

N: 360
 CÔNG
 CỘ PH.
 HỮU H.
 VEDA
 VIỆT N.
 THÁI

7	Nội dung ghi nhãn	<p>Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.</p>	<p>Nội dung ghi nhãn phù hợp với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
---	-------------------	--	--

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các đơn vị liên quan của Công ty Cổ phần hữu hạn Vedan Việt Nam có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Lưu: VPTGD, phòng ĐBCL.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ni Chih Hao



Số: 1524 /25/CV-VDN

Về việc thông báo sửa đổi nhãn và
hồ sơ tự công bố số TCCS 58/VDN/2020

Đồng Nai, ngày 20 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế tỉnh Đồng Nai

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Phòng An toàn vệ sinh thực phẩm đã hỗ trợ, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty chúng tôi nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm tại Đồng Nai trong suốt thời gian qua.

Sản phẩm “Tương ớt Vedan” của Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam đã thực hiện tự công bố số TCCS 58/VDN/2020, và được đăng tải trên trang thông tin điện tử dongnai.vfa.gov.vn ngày 26 tháng 11 năm 2020.

Trong Hồ sơ tự công bố nói trên, Công ty chúng tôi có kèm theo nhãn hàng hóa khối lượng tịnh 10 g, 270 g, 500 g, 830 g và 2,1 kg. Ngoài ra, chúng tôi đã gửi công văn số 0323/21/CV-VDN ngày 19 tháng 03 năm 2021 thông báo bổ sung nhãn 10 g và công văn số 0039/24/CV-VDN ngày 13 tháng 01 năm 2024 thông báo sửa đổi hồ sơ công bố.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, nay Công ty chúng tôi xin thông báo sửa đổi hồ sơ công bố và nhãn sản phẩm của sản phẩm nêu trên để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, nội dung cụ thể như sau:

Stt	Hạng mục thay đổi	Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
1	Địa chỉ tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm	CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2	Địa chỉ nhà sản xuất	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YILIN VIỆT NAM Lô K4C, đường số 4, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YILIN VIỆT NAM Lô K4C, Đường số 4, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Xã Bình Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3	Thành phần (bổ sung thêm INS)	Nước, ốt (15%), đường, chất làm dày (1422, 415, 466), muối I-ốt, chất điều vị (621), chất ổn định (452(i)), chất bảo quản (202), chất điều chỉnh độ acid (260), chất tạo ngọt nhân tạo (951), phẩm màu tổng hợp (150c, 124, 110), hương tỏi tổng hợp.	Nước, ốt (15%), đường, chất làm dày (INS: 1422, 415, 466), muối I-ốt, chất điều vị (INS 621), chất ổn định (INS 452(i)), chất bảo quản (INS 202), chất điều chỉnh độ acid (INS 260), chất tạo ngọt nhân tạo (INS 951), phẩm màu tổng hợp (INS: 150c, 124, 110), hương liệu tỏi tổng hợp.																								
4	Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức công bố</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Hàm lượng Carbohydrates</td> <td>g/100g</td> <td>11,3 - 21,0</td> </tr> <tr> <td>Hàm lượng Protein</td> <td>g/100g</td> <td>0,6 – 1,12</td> </tr> </tbody> </table>	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố	Hàm lượng Carbohydrates	g/100g	11,3 - 21,0	Hàm lượng Protein	g/100g	0,6 – 1,12	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức công bố</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)</td> <td>g/100g</td> <td>11,3 - 21,0</td> </tr> <tr> <td>Hàm lượng Chất đạm</td> <td>g/100g</td> <td>0,5 – 1,1</td> </tr> <tr> <td>Hàm lượng Natri</td> <td>mg/100g</td> <td>931-1729</td> </tr> <tr> <td>Đường tổng số</td> <td>g/100g</td> <td>7,6-14,0</td> </tr> </tbody> </table>	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	g/100g	11,3 - 21,0	Hàm lượng Chất đạm	g/100g	0,5 – 1,1	Hàm lượng Natri	mg/100g	931-1729	Đường tổng số	g/100g	7,6-14,0
Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố																									
Hàm lượng Carbohydrates	g/100g	11,3 - 21,0																									
Hàm lượng Protein	g/100g	0,6 – 1,12																									
Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố																									
Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	g/100g	11,3 - 21,0																									
Hàm lượng Chất đạm	g/100g	0,5 – 1,1																									
Hàm lượng Natri	mg/100g	931-1729																									
Đường tổng số	g/100g	7,6-14,0																									
5	Các chỉ tiêu giám sát định kỳ	Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng Protein Hàm lượng Carbohydrates	Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng Chất đạm Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm xơ) Hàm lượng Natri Hàm lượng Đường tổng số																								
6	Bảng thông tin dinh dưỡng	<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Thành phần dinh dưỡng (có trong 10 g tương ốt)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năng lượng (kcal)</td> <td>6,9</td> </tr> <tr> <td>Carbohydrate (g)</td> <td>1,61</td> </tr> <tr> <td>Protein (g)</td> <td>0,086</td> </tr> <tr> <td>Chất béo (g)</td> <td>0,007</td> </tr> </tbody> </table>	Thành phần dinh dưỡng (có trong 10 g tương ốt)		Năng lượng (kcal)	6,9	Carbohydrate (g)	1,61	Protein (g)	0,086	Chất béo (g)	0,007	<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Thông tin dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (Có trong 10 g tương ốt Vedan)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năng lượng</td> <td>4,8-9,0 kcal</td> </tr> <tr> <td>Carbohydrat</td> <td>1,13-2,10 g</td> </tr> <tr> <td>Natri</td> <td>93,1-172,9 mg</td> </tr> <tr> <td>Chất đạm</td> <td>0,05-0,11 g</td> </tr> <tr> <td>Đường tổng số</td> <td>0,76-1,40 g</td> </tr> </tbody> </table>	Thông tin dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (Có trong 10 g tương ốt Vedan)		Năng lượng	4,8-9,0 kcal	Carbohydrat	1,13-2,10 g	Natri	93,1-172,9 mg	Chất đạm	0,05-0,11 g	Đường tổng số	0,76-1,40 g		
Thành phần dinh dưỡng (có trong 10 g tương ốt)																											
Năng lượng (kcal)	6,9																										
Carbohydrate (g)	1,61																										
Protein (g)	0,086																										
Chất béo (g)	0,007																										
Thông tin dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (Có trong 10 g tương ốt Vedan)																											
Năng lượng	4,8-9,0 kcal																										
Carbohydrat	1,13-2,10 g																										
Natri	93,1-172,9 mg																										
Chất đạm	0,05-0,11 g																										
Đường tổng số	0,76-1,40 g																										

N: 36
 CÔNG
 CỔ PH
 HỮU H
 VEDA
 VIỆT N
 THÁI -

7	Nội dung ghi nhãn	<p>Nội dung ghi nhãn phù hợp Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.</p>	<p>Nội dung ghi nhãn phù hợp với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
---	-------------------	--	--

Nhãn sau sửa đổi như phụ kiện đính kèm.

Thời gian áp dụng: Kể từ khi sử dụng hết lượng nhãn cũ tồn kho.

Chúng tôi xin cam kết sẽ tuân thủ, thực hiện tốt việc quản lý sản phẩm, nhãn sản phẩm nêu trên khi lưu thông trên thị trường.

Cuối cùng, Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTGD, Phòng ĐBCL



242mm

70mm

VEDAN
Tương ớt
Chili Sauce

Chỉ đầu bếp chuyên nghiệp
Sài Gòn
TIN DÙNG

Khối lượng tịnh
Net weight:
2,1 kg

Thành phần:
Nước, ớt (15%), đường, chất làm dày (MS-1422, 415, 466), muối i-ốt, chất điều vị (MS-021), chất ổn định (MS-4230), chất bảo quản (MS-2002), chất đặc dính chính (MS-500), chất tạo ngọt (MS-010), phẩm màu tổng hợp (MS-150, 184, 190, hương tự nhiên tổng hợp).

Hương dẫn sử dụng:
Dùng để nêm, nêm hoặc làm gia vị cho các món ăn.

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản trong hộp kín, tránh ánh sáng trực tiếp.
Bảo quản lạnh sau khi mở bao bì.

Thông tin cảnh báo:
Không sử dụng cho người mẫn cảm với các thành phần của sản phẩm.

Thông tin dinh dưỡng	
60g (chứa 10% lượng tiêu thụ)	
Calo	48,8 kcal
Chất béo	1,13g (2,3%)
Chất đạm	0,85g (1,7%)
Đường tổng số	2,7g (5,4%)

TCCS 58/VN/2020
Tiêu chuẩn HACCP

VEDAN
Tương ớt
Chili Sauce

Chỉ đầu bếp chuyên nghiệp
Sài Gòn
TIN DÙNG

Khối lượng tịnh
Net weight:
2,1 kg

Sản phẩm gốc:
CÔNG TY TNHH HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Số 4/5/11, ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Số xuất xứ:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YILIN VIỆT NAM
Địa chỉ: Lô K4C, đường số 4, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân,
Xã Bình Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NSX: Xem trên bao bì
HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Free Hotline:
1800 599 902

8 935102 41074 2



84mm

235mm

VEDAN
Tương ớt
Chili Sauce

Khai đầu bếp chuyên nghiệp
Sài Gòn
TIN DỪNG



Khối lượng tịnh
Net weight:
830 g

Cay tự nhiên

Thành phần dinh dưỡng
Kcal năng lượng
Protein
Chất đạm
Đường tổng số

VEDAN
Tương ớt
Chili Sauce

Khai đầu bếp chuyên nghiệp
Sài Gòn
TIN DỪNG



Khối lượng tịnh
Net weight:
830 g

M.S.D.N: 3600239715

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM CHINH HAO

X. PHƯỚC THÁI - T. ĐÔNG GIANG



Sản phẩm của:
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Số đăng ký:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YILIN VIỆT NAM
Địa chỉ: Lô K&C đường số 4, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Xã Bình Lợi,
Thị trấn Hồ Chí Minh, Việt Nam.
NSX: Xem trên bao bì
HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất



Free Hotline:
1800 599 902

57 mm

168 mm

VEDAN

Tương ớt

Chili Sauce

Hội đầu bếp chuyên nghiệp
Sài Gòn

TIN DÙNG



Khối lượng tịnh
Net weight:
270 g

Cay tự nhiên

VEDAN

Tương ớt

Chili Sauce

Hội đầu bếp chuyên nghiệp
Sài Gòn

TIN DÙNG



Khối lượng tịnh
Net weight:
270 g

Chăm là ghiền

Thành phần:
Bột ớt (15%), muối ăn (MS: 102, 415, 460), muối i-ốt, chất điều vị (MS: 531), chất béo thực vật (MS: 501), chất bảo quản (MS: 202), chất đặc chỉnh độ acid (MS: 260), chất tạo ngọt nhân tạo (MS: 551), phẩm màu tổng hợp (MS: 150c, 124, 110), hương liệu tổng hợp.

Hương dẫn sử dụng:
Dùng để nêm, nêm hoặc làm gia vị cho các món ăn.

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Bảo quản lạnh sau khi mở bao bì.

Thông tin cảnh báo:
Không sử dụng cho người mẫn cảm với các thành phần của sản phẩm.

TCCS 58/VDN/2020
Tiêu chuẩn HACCP

Thông tin dinh dưỡng
gà 100g tương ớt Vedan)

Năng lượng	48-50 kcal
Carbohydrat	1,3-2,10 g
Nước	91,17-93 mg
Chất đạm	0,05-0,11 g
Đường tổng số	0,7% - 1,0 g

Sản phẩm của:
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Sản xuất tại:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YILIN VIỆT NAM
Địa chỉ: Lô K4C, đường số 4, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân,
Xã Bình Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NSX: Xem trên bao bì
HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất



8 935102 41071 1

Free Hotline:
1800 599 902



Số: 008 /26/QĐ-VDN

Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH**Về việc sửa đổi hồ sơ tự công bố sản phẩm số TCCS 58/VDN/2020****TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Căn cứ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
- Theo đề nghị của Khối quản lý kinh doanh acid amin.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sửa đổi mức kiểm soát chỉ tiêu Chất béo trong hồ sơ tự công bố sản phẩm “Tương Ót Vedan” số TCCS 58/VDN/2020 ngày 17/11/2020 để phù hợp với Tiêu chuẩn của nhà sản xuất, nội dung cụ thể như sau:

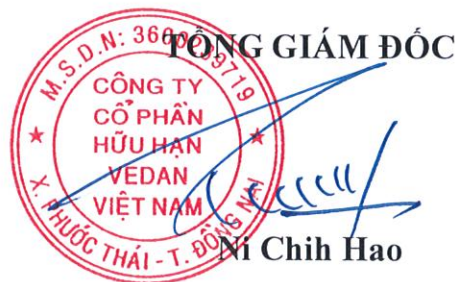
Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
Hàm lượng Chất béo: 0,05 – 0,09 g/100 g	Hàm lượng Chất béo: 0 – 0,11 g/100 g

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các đơn vị liên quan của Công ty Cổ phần hữu hạn Vedan Việt Nam có trách nhiệm thực hiện quyết định này

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Lưu: VPTGD, phòng ĐBCL.



Số: 0015 /26/CV-VDN

Về việc thông báo điều chỉnh mức kiểm soát
chỉ tiêu chất béo sản phẩm Tương Ót Vedan
số TCCS 58/VDN/2020

Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Đồng Nai

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Sở Y tế tỉnh Đồng Nai đã hỗ trợ, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty chúng tôi sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Đồng Nai trong suốt thời gian qua.

Sản phẩm “Tương Ót Vedan” của Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam đã thực hiện tự công bố số TCCS 58/VDN/2020 và được đăng tải trên trang thông tin điện tử dongnai.vfa.gov.vn ngày 26 tháng 11 năm 2020.

Trong Hồ sơ tự công bố nói trên, Công ty chúng tôi đã công bố mức kiểm soát đối với chỉ tiêu Chất béo: 0,05 – 0,09 g/100 g.

Ngoài ra, Công ty chúng tôi đã gửi các công văn thông báo như sau:

STT	Số Công Văn	Thời gian	Nội dung công văn
1	0039/24/CV-VDN	13/01/2024	Sửa đổi hồ sơ tự công bố
2	1524/25/CV-VDN	20/11/2025	Sửa đổi nhãn và hồ sơ tự công bố

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, nay Công ty chúng tôi xin thông báo điều chỉnh mức kiểm soát đối với chỉ tiêu Chất béo của sản phẩm Tương Ót Vedan trong hồ sơ tự công bố ngày 17 tháng 11 năm 2020 để phù hợp với quy cách của nhà sản xuất, nội dung sửa đổi như sau:

Trước sửa đổi	Sau sửa đổi
Hàm lượng Chất béo: 0,05 – 0,09 g/100 g	Hàm lượng Chất béo: 0 – 0,11 g/100 g

Đối với hồ sơ tự công bố của sản phẩm này, chúng tôi chỉ thay đổi nội dung trên, các nội dung khác không thay đổi so với hồ sơ công bố đã được Sở y tế Đồng Nai tiếp nhận trước đó.



Chúng tôi xin cam kết sẽ tuân thủ, thực hiện tốt việc quản lý sản phẩm, nhãn sản phẩm nêu trên khi lưu thông trên thị trường.

Cuối cùng, Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VPTGD, Phòng ĐBCL

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ni Chih Hao

